

Số: 1201/2020/QĐST-HNGĐ

Thủ Đức, ngày 27 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 102 quyển 01/2009 ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1146/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Đường số T, Khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Bà Đinh Thị Kim N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Đường số T, Khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 19 tháng 11 năm 2020, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 và bà Đinh Thị Kim N, sinh năm 1988 thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị Kim N thuận tình ly hôn; Về con

chung: Giao con chung Nguyễn Thị Tố H (nữ), sinh ngày 08 tháng 01 năm 2010 cho bà Đinh Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lợi cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/01 tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, ng sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong việc dân sự; Nợ chung: không có; Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình là 300.000đồng, đồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị Kim N chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự hoà giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 19 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự hoà giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị Kim N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Tố H (nữ), sinh ngày 08 tháng 01 năm 2010 cho bà Đinh Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/01 tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà Đinh Thị Kim N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn L không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị Kim N chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng ông L, bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0058147 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông L, bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS, Q.Thủ Đức;
- UBND phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh